TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2021
"V/v Ly hôn giữa
chị T và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc;

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Quan T**, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Nhơn Q**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Quan T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Nhơn Q qua thời gian tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn Chị và anh Q sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cải với nhau,

anh Q có hành vi bạo lực gia đình đánh đập tàn nhẫn, Chị đã chịu đựng nhiều năm, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, không quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được nên Chị yêu cầu được ly hôn anh Q. Về con chung: Chị và anh Q có một con chung là Nguyễn Quan Yến V, sinh ngày 17/12/2008, nay Yến V đang sống với Chị tại nhà mẹ ruột. Sau khi ly hôn Chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Q cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng đã rút lại tại phiên hòa giải ngày 29/01/2021. Về tài sản chung: có nhưng Anh, Chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Chị T xác định trong thời kỳ hôn nhân đến ly hôn không có. Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Tại biên bản hòa giải ngày 29/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Nhơn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Q xác định quá trình sống chung và các mâu thuẫn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chị T trình bày là đúng, mâu thuẫn hai bên có xảy ra nhưng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn, Anh muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng để chăm lo cho con, trường hợp chị T giữ quan điểm cương quyết ly hôn thì Anh đồng ý. Về con chung: Anh Q xác định có một con chung và thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con, Anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung: thống nhất ý kiến chị T trình bày; nợ chung: Anh Q khai quá trình hôn nhân đến thời điểm ly hôn không có. Tại phiên tòa anh Q vắng mặt không rõ lý do.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quan T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, anh Nguyễn Nhơn Q không đồng ý. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Chị T xin xét xử vắng mặt, anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, chị T và anh Q không sống chung với nhau khoảng 01 năm, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Anh, Chị không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Anh, Chị; con chung đủ 07 tuổi đã có ý kiến tại bản khai. Chị T xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân do Anh, Chị bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cải với nhau, anh Q đánh đập Chị nhưng không sửa đổi tính tình để chăm lo gia đình, mâu thuẫn về kinh tế gia đình; anh Q không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị T. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Q tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định do đó, quan hệ hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi xảy ra mâu thuẫn chị T đã có thời gian sống ly thân với anh Q, quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin vắng mặt Chị kiên quyết giữ quan điểm ly hôn; các lý do Chị trình bày để ly hôn, anh Q thừa nhận có nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Xét thấy nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ Anh, Chị do quan điểm sống vợ chồng chưa có tiếng nói chung, trong cư xử anh Q còn có hành vi bạo lực, đánh đập Chị nhiều lần nhưng Anh không tự sửa đổi tính tình để chăm lo cho vợ, con chưa có giải pháp để thuyết phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay Anh, Chị đã có cuộc sống riêng, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, mâu thuẫn hôn nhân không hàn gắn được. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn của Anh, Chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có một người con chung là Nguyễn Quan Yến V, sau ly hôn chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, tại phiên hòa giải anh Q trình bày trường hợp Hội đồng xét xử cho ly hôn, Anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, Anh không cấp dưỡng nuôi con; tại bản khai nguyện vọng của Yến V muốn sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Anh, Chị xác định không có.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, anh Q không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quan T và anh Nguyễn Nhơn Q.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Quan Yến V, sinh ngày 17/12/2008 cho chị Quan T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Nhơn Q không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Quan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0005830 ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- THADS TPV;
- VKSND TPV;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường B, TPV;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …… giờ …… phút, ngày 23 tháng 3 năm 2021;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc;

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2010 về "Tranh chấp Xin ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Quan Tuyền**, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Nhơn Quí**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 14/12B Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:
Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quan Tuyền và anh Nguyễn Nhơn Quí.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Quan Yến Vy, sinh ngày 13/6/2011 cho chị Quan Tuyền trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Nhơn Quí không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn anh Qúi có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì chị Tuyền có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Quan Tuyền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0005830 ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị Tuyền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi …. giờ …… phút, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý